

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:66/2019/HNGĐ-ST

Ngày 13/11/2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXX-ST ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị S - sinh năm 1993.(vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại địa chỉ: 178 B - Gil, G, C, G, Hàn Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Lý Thị S là: Chị Lý Thị N, sinh năm 1990, trú tại: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Bùi Tiến C - sinh năm 1986.(Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 29/5/2019 Nguyên đơn chị Lý Thị S trình bày: Chị và anh Bùi Tiến C chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2014, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới cho chị và anh C theo phong tục

địa phương. Sau khi cưới, chị về chung sống với anh C và gia đình anh C. Ban đầu chung sống hạnh phúc. Đến ngày 26/5/2015 thì chị và anh C đến UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang để đăng ký kết hôn theo quy định. Đến tháng 7 năm 2015 thì chị đi lao động tại Hàn Quốc. Ban đầu mới sang Hàn Quốc thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, động viên nhau. Đến khoảng tháng 12 năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và chồng tính cách không hợp nhau, sống xa cách lâu ngày, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Từ cuối năm 2017 đến nay chị và anh C đã không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết

Hiện nay chị từ Hàn Quốc về Việt Nam thăm gia đình, thời gian ở Việt Nam của chị không lâu, chị lại phải tiếp tục quay lại Hàn Quốc lao động tiếp nên chị không thể ở Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh C được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh C.

Chị cũng ủy quyền cho chị Lý Thị N, sinh năm 1990, trú tại: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn anh Bùi Tiến C trình bày: Anh và chị Lý Thị S chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2014, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng do bận nên chưa đi đăng ký kết hôn ngay lúc đó. Sau khi cưới chị S về nhà anh làm dâu, ở chung cùng gia đình anh. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 26/5/2015 thì anh chị đến UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang để đăng ký kết hôn theo quy định. Đến tháng 7 năm 2015 thì chị đi lao động tại Hàn Quốc. Ban đầu mới sang Hàn Quốc thì chị S vẫn thường xuyên liên lạc, động viên chồng. Đến khoảng cuối năm 2017 thì chị S liên lạc ít dần. Lý do là chị S có nghi ngờ anh có người phụ nữ khác, anh có giải thích nhưng chị S không tin anh. Từ cuối năm 2017 cho đến nay giữa anh chị rất ít khi liên lạc với nhau, liên lạc thì vợ chồng lại cãi nhau. Tuy cãi nhau nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị S vẫn còn trẻ con, đi làm ăn xa kiếm được tiền thì có

thái độ không tôn trọng anh, muốn ly hôn anh. Chị S đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn chị S.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị S và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị S và anh.

Tại phiên tòa chị S và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị S; Bản tự khai, lời khai của anh C, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị S, Xử cho chị Lý Thị S được ly hôn anh Bùi Tiến C.

Về án phí: Chị Lý Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị S và anh Bùi Tiến C đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị S, anh C.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Lý Thị S là nguyên đơn hiện đang lao động tại Hàn Quốc, có đơn xin ly hôn anh Bùi Tiến C, anh C có hộ khẩu thường trú tại Xóm T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân:

Chị Lý Thị S và anh Bùi Tiến C chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2014, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới cho chị S và anh C theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị về chung sống với anh C và gia đình anh C. Đến ngày 26/5/2015 thì chị S

và anh C đã đến UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang để đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Nay, Chị S xin ly hôn anh C vì lý do vợ chồng mâu thuẫn, từ cuối năm 2017 đến nay chị và anh C đã không còn liên lạc và quan tâm đến nhau.

Về yêu cầu của chị S xin ly hôn anh C, Hội đồng xét xử xét thấy: Tháng 7 năm 2015 thì chị S đi lao động tại Hàn Quốc. Đến khoảng tháng 12 năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị S xác định là do chị và chồng tính cách không hợp nhau, sống xa cách lâu ngày, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Bản thân anh C cũng xác định là khoảng cuối năm 2017 thì chị S liên lạc ít dần. Nhưng nguyên nhân là do chị S nghi ngờ anh có người phụ nữ khác, anh có giải thích nhưng chị S không tin anh. Anh cũng xác định từ cuối năm 2017 cho đến nay vợ chồng rất ít khi liên lạc, liên lạc là lại cãi nhau. Như vậy thể hiện vợ chồng chị S, anh C đã có mâu thuẫn và không còn quan tâm đến nhau.

Đồng thời, qua xác minh tại địa phương thì thấy: Chị S và anh C kết hôn. Chị S về làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Sau đó chị S đi lao động ở Hàn Quốc. Sau khi đi Hàn Quốc, chị S có mâu thuẫn với anh C, nhưng mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm rõ. Chỉ biết chị S có về nghỉ phép ở Việt Nam thăm gia đình nhưng không về thăm nhà chồng nữa. Nay, chị S xin ly hôn anh C thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ. Vì giữa chị S anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh C không đồng ý ly hôn chị S là không có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, cho chị S được ly hôn anh C..

[4]. Về con chung: Chị S anh C không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Chị S anh C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Lý Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp

tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị S đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị S được ly hôn anh Bùi Tiến C.

2. Về án phí: Chị Lý Thị S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000347 ngày 20/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị S đã nộp đủ.

Chị Lý Thị S hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Anh Bùi Tiến C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Văn Nhiên